TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI** Số 386/2026/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 332/2026/TLST-HNGĐ ngày 01/04/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lương Minh N, sinh năm 1981; đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, phường P, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Tòa S, chung cư S, phường P, thành phố Hà Nội. Căn cước công dân số 001081038547; ngày cấp 16/07/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Bị đơn: Chị Vũ Mỹ L, sinh năm 1980; đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, phường P, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Tòa S6A 8A12, chung cư S, phườn P, thành phố Hà Nội. Căn cước công dân số 001180004633; ngày cấp 16/08/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 04 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 04 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lương Minh N và chị Vũ Mỹ L.

2. Công nhận sự thoả thuận của anh Lương Minh N và chị Vũ Mỹ L, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Anh Lương Minh N và chị Vũ Mỹ L cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Cháu Lương Vũ H, sinh ngày 05/05/2015 và cháu Lương Nhật M, sinh ngày 06/03/2018.

Giao cho anh Lương Minh N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Lương Vũ H và cháu Lương Nhật M kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Lương Vũ H, cháu Lương Nhật M trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về nuôi con theo quy định của pháp luật.

Chị Vũ Mỹ L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lương Minh N đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Vũ Mỹ L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Anh Lương Minh N và chị Vũ Mỹ L cùng xác nhận không có tài sản chung và không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về tài sản chung vợ chồng nên không xét.

2.3. Về nợ chung vợ chồng (vay nợ và cho vay nợ): Anh Lương Minh N và chị Vũ Mỹ L cùng xác nhận vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết về nợ chung của vợ chồng nên không xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lương Minh N chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/26E, số 0007529 ngày 31/03/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Hoàn trả anh Lương Minh N 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

<u>Nơi nhận</u>:
- VKSND khu vực 5 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 5 – Hà Nội;
- UBND phường B, thành phố Hà Nội (theo GCNKH số 45/2015, quyển số 01/2015 ngày 08/04/2015 của UBND phường N, quận L, thành phố Hà Nội);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Như Trọng